| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HUẾ**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 164/2019/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Huế, ngày 10 tháng 4 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 149/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trần Đình Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 4, thôn Ngọc A, xã Phú Th, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Chị Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 15 đường Lê Ngọc H, phường Tây L, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Đình Đ và chị Phạm Thị Thùy Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tây L, thành phố Huế vào ngày 08/8/2009. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh Trần Đình Đ, chị Phạm Thị Thùy T xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Trần Đình Đ và chị Phạm Thị Thùy T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Trần Đình Đ và chị Phạm Thị Thùy T xác định Có 02 con chung tên là Trần Như Thục H, sinh ngày 23/7/2009 và Trần Đức D, sinh ngày 24/9/2016, hiện đang ở với anh Trần Đình Đ. Anh Trần Đình Đ, chị Phạm Thị Thùy T thỏa thuận giao các cháu Trần Như Thục H và Trần Đức D cho anh Trần Đình Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Phạm Thị Thùy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Anh Trần Đình Đ và chị

Phạm Thị Thùy T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của anh, chị.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Đình Đ, chị Phạm Thị Thùy T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Đình Đ, chị Phạm Thị Thùy T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đình Đ và chị Phạm Thị Thùy T.

- Về con chung: Giao các cháu Trần Như Thục H, sinh ngày 23/7/2009 và Trần Đức D, sinh ngày 24/9/2016 cho anh Trần Đình Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Hiện nay, các cháu Trần Như Thục H và Trần Đức D đang ở với anh Trần Đình Đ; chị Phạm Thị Thùy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Đình Đ, chị Phạm Thị Thùy T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh Trần Đình Đ, chị Phạm Thị Thùy T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007822 ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND phường Tây L;
(ĐKKH số: 113, ngày 08/8/2009);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HNGĐ;

**Mai Thị Mộng Trinh**